TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 668/2019/DS-ST
Ngày: 18/10/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng;

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 401/2019/TLST-DS ngày 24/6/2019 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 436/2019/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 298/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Huỳnh Thị Ngọc H *(theo văn bản ủy quyền ngày 02/7/2019).*

(Bà H xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1984

Địa chỉ: A, chung cư Hiệp Bình Chánh, đường số B, khu phố C, phường D, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định: Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là ngân hàng S) và ông Nguyễn Tiến T (gọi tắt là ông T) có tiến hành giao dịch vay tiền theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/9/2011. Theo nội dung hợp đồng, ông T được cấp hạn mức 20.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng với lãi suất thẻ của Ngân hàng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 41.516.435 đồng và đã thanh toán được tiền lãi là 58.200.000 đồng và ngưng không thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ từ ngày 26/6/2016, như vậy ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định trong hợp đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc còn lại là 13.338.639 đồng và tiền lãi quá hạn 17.350.190 đồng. Tổng cộng 30.688.829 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi có bản án, quyết định có hiệu lực của tòa án.

Bị đơn ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến tòa để làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có:

1. Phiếu yêu cầu xác minh số 401/2019/PYCXM ngày 24/6/2019;
2. Tóm tắt sao kê ngày 18/10/2019;
3. Thư nhắc nợ ngày 30/3/2016 và ngày 30/4/2016;
4. Bản sao Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/9/2011.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tụng tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với ông T phát sinh từ quan hệ hợp đồng dân sự về vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông T cư trú trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Nguyễn Tiến T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

Xét về hình thức Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/9/2011 giữa Ngân hàng S và ông T được lập bằng văn bản và xác lập hoàn toàn tự nguyện là phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo nội dung hợp đồng, ông T được cấp hạn mức 20.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng và áp dụng chính sách lãi theo dạng thẻ tín dụng ở từng giai đoạn (mức lãi suất được áp dụng theo thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của ngân hàng). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền thanh toán bằng thẻ là 41.516.435 đồng, ông T đã đóng được một phần tiền và ngưng không đóng tiền vốn và lãi nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định trong hợp đồng. Lãi suất tiêu dùng áp dụng đối với thẻ tín dụng hai bên thỏa thuận là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Do bị đơn không đến Tòa án tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không gửi văn bản hay giao nộp tài liệu chứng cứ liên quan đến giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để xác định bị đơn có vay tiền và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần S về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" đối với ông Nguyễn Tiến T;

Buộc ông Nguyễn Tiến T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền gốc 13.338.639 (Mười ba triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi chín) đồng và tiền lãi 17.350.190 (Mười bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn, một trăm chín mươi) đồng. Tổng cộng số tiền phải trả: 30.688.829 (Ba mươi triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm hai mươi chín) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 19/10/2019, ông Nguyễn Tiến T còn phải thanh toán cho ngân hàng thương mại cổ phần S tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 1.534.441 (Một triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi mốt) đồng buộc ông Nguyễn Tiến T chịu. Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại tiền tạm ứng án phí 685.847 (Sáu trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi bảy) đồng, theo biên lai số: 0003247 ngày 24/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

Đinh Khắc Hưng